

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 22/02/2022.

V/v: TrAh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Lệ Nga

2. Ông Nguyễn ThAh Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:* trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2022/TLST- DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc: “TrAh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **PhA Ngọc D**, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 354/65 ấp Hưng Nhơn, xã Hòa Nghĩa, Chợ Lách, Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh ThAh Phương, sinh năm: 1974

Địa chỉ: ấp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu GiAg.

Đại diện theo giấy ủy quyền ngày 11/6/2021. (có đơn đề nghị xét xử mặt).

-Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy A**, sinh năm: 1982 (có mặt)

Tên khác là Nguyễn Thị Thúy A.

Địa chỉ: 17 Nguyễn Thị Định, phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên GiAg.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà PhA Ngọc D trình bày:***

Bà có quen biết với bà A nên ngày 20/11/2019 bà có cho bà A mượn số tiền 60.000.000 đồng. Đến nay đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà A không trả. Việc mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tại Biên bản hòa giải của UBND phường Vĩnh Hiệp ngày 27/7/2019 bà A có thừa nhận số nợ nhưng đến nay vẫn không trả nợ cho Bà.

Bà D yêu cầu bà A trả số tiền nợ vay 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 20/11/2019.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Huỳnh ThAh Phương có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt nội dung: Yêu cầu bà A trả bà D số tiền nợ vay 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày hòa giải tại khu phố là 27/7/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử.

****Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị Thùy A (Nguyễn Thị Thúy A) trình bày:***

Cuối năm 2019 bà có mượn bà D số tiền 40.000.000 đồng. Khoảng 3 tháng sau bà có mượn của bà D thêm 10.000.000 đồng và 04 tháng sau D đưa thêm 10.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ bà D là 60.000.000 đồng. Nay hoàn cảnh bà khó khăn, đã gAg nuôi con nhỏ nên không có khả năng trả nợ. Xin yêu cầu khi con 06 tháng tuổi sẽ đi làm để trả nợ cho bà D.

Tại phiên tòa bà A có ý kiến: thừa nhận còn nợ bà D số tiền nợ 60.000.000 đồng chưa trả. Chấp nhận trả số tiền nợ này cho bà D nhưng hiện chưa có khả năng trả nên xin thời giA khi nào con 06 tháng tuổi đi làm mới có tiền trả nợ. Không chấp nhận trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

TrAh chấp giữ nguyên đơn và bị đơn về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại số 17 Nguyễn Thị Định, phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên GiAg nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo các Điều 26; Điều 35; Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Huỳnh ThAh Phương. Tuy nhiên, ông Huỳnh ThAh Phương có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Phương.

[2] Về nội dung vụ án:

QuA hệ trAh chấp giữa nguyên đơn bà PhA Ngọc D với bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy A là “*TrAh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay là 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ vay 60.000.000 đồng, đã được bị đơn thừa nhận tại tòa là bà có nhận của bà D số tiền 60.000.000 đồng đến nay chưa trả. Xét thấy, hai bên đã tự nguyện xác lập giao dịch, nội dung không trái pháp luật nên bà A đã nhận tiền bằng giao dịch vay tài sản, thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật cho bà D theo quy định tại Điều 463; Điều 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu tính lãi của bà D, thấy rằng: Bà D cung cấp biên bản hòa giải tại khu phố Dãy Ốc ngày 27/7/2020 nội dung có thể hiện việc bà A thừa nhận nợ đối với bà D. Tuy nhiên, nội dung trong biên bản này không thể hiện lãi suất thỏa thuận, cũng không thể hiện thời hạn vay tiền, thời giA vay tiền cụ thể. Bà A khai thời giA mượn tiền là từ 2019; việc mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất. Do vậy, Hội đồng xét xử xác nhận thời giA vay tiền theo trình bày của bị đơn và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 27/7/2020 là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên thống nhất chấp nhận. Đây thuộc trường hợp vay không có kỳ hạn và không thỏa thuận lãi theo quy định tại Điều Bộ luật dân sự năm 2015, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời giA hợp lý, thời điểm bà D thông báo đối với bà A là ngày 27/7/2020 Hội đồng xét xử xác định làm mốc thời giA tính lãi chậm trả. Lãi suất được xác định căn cứ khoản 4 Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, lãi suất áp dụng là 10%/năm. Số tiền lãi chậm trả mà bà A phải trả bà D được tính như sau: 60.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 18 tháng 26 ngày (từ ngày 27/7/2020 đến ngày 22/02/2022) = 9.395.600 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bà Nguyễn Thị Thùy A có trách nhiệm trả bà PhA Ngọc D là 69.395.600 đồng.

Đối với yêu cầu trả nợ dân của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy A, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận. Xét thấy, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, án phí bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy A phải nộp là: 69.395.600 đồng x 5% = 3.469.780 đồng.

Bà PhA Ngọc D được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001044, ngày 27/01/2021 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; 35; 36; 39; 147; 217; 218; 219; khoản 1 Điều 227; 244; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463; Điều 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà PhA Ngọc D về trAh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thùy A (Nguyễn Thị Thúy A).

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy A (Nguyễn Thị Thúy A) có trách nhiệm trả cho bà PhA Ngọc D số tiền nợ vay vốn gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 9.395.600 đồng, tổng cộng 69.395.600 đồng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện trả nợ thì còn phải chịu mức tiền lãi chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả dứt số nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Thùy A (Nguyễn Thị Thúy A) phải nộp là: 3.469.780 đồng.

Bà PhA Ngọc D được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001044, ngày 27/01/2021 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố Rạch Giá.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/02/2022). Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày Tòa án tổng đạt Bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;*
- *Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05-3-2020).